



NHỮNG ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CỦA HỌC TẬP CHUYÊN ĐỔI ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH SINH KẾ BỀN VỮNG VƯỜN-AO-CHUỒNG-BIOGAS Ở CẦN THƠ

Nguyễn Thị Ngọc Phúc¹, Trần Đức Tuấn², Nguyễn Kim Hồng³

¹ Trường Đại học Cần Thơ

² Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Nguyễn Kim Hồng – Email: nkhong@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-01-2019; ngày nhận bài sửa: 11-3-2019; ngày duyệt đăng: 24-4-2019

TÓM TẮT

Học tập chuyên đổi (HTCD), là một lý thuyết hiện đại về học tập người lớn, hiện đang rất thịnh hành ở các nước phương Tây. Cùng với Giáo dục vì sự phát triển bền vững, HTCD được xem là một trong những công cụ hữu hiệu và giải pháp chiến lược để phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở những nơi đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu như đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) của Việt Nam. Cho đến nay, chúng ta còn chưa biết nhiều và thấu đáo về vai trò và đóng góp của HTCD đối với phát triển các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL. Vì vậy, được sự tài trợ của ISSC (Hội đồng Khoa học Xã hội Quốc tế) của UNESCO Paris, một nghiên cứu về HTCD vì sự chuyển đổi nông nghiệp bền vững, thích ứng với BĐKH trong mô hình VACB (Vườn-Ao-Chuồng-Biogás) đã được thực hiện từ giữa 2016 đến nay. Bài báo này, trình bày khái quát những kết quả thu được từ những điều tra nghiên cứu thực tế về HTCD trong mô hình sinh kế bền vững VACB, trong đó đề cập những phát hiện về vai trò, bản chất, đặc trưng và tiềm năng phát triển của HTCD trong mô hình VACB ở Cần Thơ.

Từ khóa: học tập chuyên đổi, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, mô hình sinh kế bền vững, mô hình VACB, đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang tác động trực tiếp đến môi trường sống cũng như sinh kế của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trong bối cảnh đó, việc chuyển đổi sang các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH được xem là một giải pháp then chốt, lâu dài mà Chính phủ đã nhấn mạnh trong chiến lược phát triển bền vững ĐBSCL ban hành năm 2017. Trong những năm qua, nhiều mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH đã ra đời ở các địa phương của vùng ĐBSCL (Tuấn và cộng sự, 2013), trong đó mô hình VACB (Vườn-Ao-Chuồng-Biogás) được đánh giá là mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH, có tính sáng tạo và dễ nhân rộng trong cộng đồng (Dự án Xây dựng năng lực về BĐKH cho các tổ chức dân sự, 2011). Với những ưu thế của mình, mô hình VACB đã và đang phát triển nhanh chóng ở Cần Thơ. Từ chỗ, chỉ có một vài nông hộ áp dụng mô hình VACB ở Cần Thơ trong những năm 1990, đến nay có hơn

600 mô hình VACB trong các hộ nông dân gia đình ở Cần Thơ (kết quả khảo sát thực tế, 11/2018).

Hiện nay, lí thuyết về học tập chuyển đổi (HTCD) được Mezirow J. đề xuất từ những năm 70 của thế kỉ XX, đang được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu vì nó có những đóng góp quan trọng cho việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục người lớn, giáo dục phi chính quy (giáo dục cộng đồng) và cả giáo dục chính quy (giáo dục đại học và cao đẳng). (Cranton, 2016; Kroth & Cranton, 2014; Taylor, Cranton, & Associates, 2012). Mặc dù, HTCD đã luôn song hành với nông dân và có những đóng góp to lớn, đáng kể thúc đẩy quá trình phát triển của mô hình VACB ở Cần Thơ, nhưng cho đến nay nó chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ, và cho đến năm 2016 chưa có công trình nghiên cứu hệ thống về HTCD ở ĐBSCL và Cần Thơ. Vì vậy, trong khuôn khổ của dự án nghiên cứu về học tập chuyển đổi vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh ĐKKH ở ĐBSCL, nhóm nghiên cứu tôi đã tiến hành nghiên cứu một trường hợp về học tập chuyển đổi trong mô hình sinh kế bền vững VACB ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Trong bài báo này, sẽ trình bày và làm sáng tỏ vai trò và những tác động tích cực của HTCD đối với quá trình chuyển đổi sang mô hình sinh kế bền vững VACB ở Cần Thơ. Chúng tôi sẽ luận giải và trả lời các vấn đề quan trọng như: *Các hoạt động học tập này đã tác động tích cực như thế nào đối với quá trình chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp bền vững VACB ở Cần Thơ? Những vấn đề gì cần quan tâm để nâng cao hiệu quả HTCD, hướng đến phát triển mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững, thích ứng ĐKKH ở Cần Thơ nói riêng và các cộng đồng dân cư khác? Làm thế nào để tăng cường HTCD và qua đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi sinh kế theo hướng bền vững, thích ứng với ĐKKH ở ĐBSCL?*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Học tập chuyển đổi và tác động của nó đến những biến đổi về xã hội

HTCD là quá trình học tập được xem xét trong các bối cảnh và mô hình vượt qua khó khăn mà ở đó sự “chuyển đổi quan điểm” (perspective transformation) được suy ngẫm và đặt ra, ngày càng đầy đủ hơn, rõ ràng hơn và “có thể thực hiện được” (Cranton, 2016). Mục đích của “chuyển đổi quan điểm” là xem xét lại những hiểu biết, giá định, quan điểm, giá trị, niềm tin, lối sống và làm cho nó chuyển đổi và chuyển hóa theo những định hướng mới rõ ràng hơn và có giá trị tốt hơn đối với cuộc sống của người tham gia học tập chuyển đổi. Theo lí thuyết về HTCD là các quá trình HTCD của người lớn, bao gồm học tập cá nhân và học tập xã hội, mang tính tự nguyện, tự định hướng và tự tiếp cận.

Theo Cranton 2016 và Habermas 1971, HTCD giúp cho người học tiếp thu và nắm vững ba loại kiến thức chuyển đổi là kiến thức kĩ thuật (*technical knowledge*), kiến thức thực tế hay kiến thức giao tiếp (*practical knowledge or communicative knowledge*) và kiến thức khai phóng (*emancipatory knowledge*). Kiến thức kĩ thuật (hiểu rộng ra là kiến thức khoa học – kĩ thuật) cho phép người học kiểm soát môi trường hoặc dự đoán những yếu tố

cần vượt qua để lựa chọn hành động phù hợp. Kiến thức thực tế hay kiến thức giao tiếp giúp cho người học có thể chia sẻ với nhau hoặc với cộng đồng xã hội nhằm làm sáng tỏ những kinh nghiệm, kiến thức mới tiếp thu được trong các lớp học, tập huấn; hay để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh... Kiến thức khai phóng hình thành và phát triển khi từng cá nhân tự phản ánh và tự đưa ra quyết định hành động trong từng hoàn cảnh cụ thể để vượt qua các khó khăn mà họ gặp phải. Theo Cranton (2016), để tiếp thu và nắm vững các loại kiến thức nêu trên, người học cần phải tự giác và tích cực tham gia vào ba quá trình HTCD cơ bản. Đó là quá trình học tập công cụ (instrumental learning), quá trình học tập thực tế – chia sẻ cộng đồng (communicative learning) và quá trình học tập khai phóng (emancipatory learning) và cần trải qua một số pha cơ bản. Theo Henderson (2002), các pha của HTCD gồm có: (1) tình thế mất phương hướng; (2) tư duy phê phán; (3) đối thoại với người khác và (4) chuyển đổi hành động. Để tổ chức quá trình HTCD thì cần thiết phải kiến tạo và phát triển các thành tố chủ chốt, trước hết là *Người học* (transformative learner, viết tắt là T-learner), *Người dạy* (transformative teacher, viết tắt là T-teacher) và *Chính quyền* (transformative government, viết tắt là T-government) *Các bên liên quan* (transformative stakeholder, viết tắt là T-stakeholder).

Mục tiêu lâu dài của HTCD là góp phần làm chuyển đổi xã hội theo hướng tích cực và tiến tới tạo nên những đổi mới căn bản và toàn diện tức là tạo nên sự chuyển đổi và chuyển hóa thực sự của cá nhân và cộng đồng về các mặt nhận thức, thế giới quan tư duy, giá trị, niềm tin, năng lực hành động và lối sống (Cranton, 2016). Trong thời đại toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu thì HTCD cần góp phần tạo dựng sự chuyển đổi và chuyển hóa thực sự của cá nhân và cộng đồng theo định hướng phát triển bền vững.

2. Tổ chức nghiên cứu HTCD trong mô hình VACB ở Cần Thơ

2.1. Chọn đối tượng, nội dung và địa bàn nghiên cứu

Trong giai đoạn 1996-2018, hơn 600 hộ nông dân ở thành phố Cần Thơ (tập trung ở các huyện Phong Điền, Cái Răng và Bình Thủy) đã tích cực tham gia chuyển đổi từ các mô hình sinh kế chuyên canh kém bền vững sang mô hình VACB (hay VAC-biogás), trong đó có khoảng 10% số hộ tự phát tham gia (Hồ và cộng sự, 2018). Để thấy rõ những tác động của HTCD trong quá trình chuyển đổi sinh kế theo hướng bền vững ở ĐBSCL, HTCD trong mô hình VACB của nông hộ ở Cần Thơ đã được chọn trường hợp nghiên cứu điển hình (case study). Địa bàn nghiên cứu tập trung ở các huyện Phong Điền, Cái Răng và Bình Thủy (các huyện tập trung nông hộ tham gia chuyển đổi). Bên cạnh đối tượng nghiên cứu chính là các nông hộ (T-learner), các nhà khoa học đến từ Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) (T-teacher), đại diện chính quyền (T-government) và đại diện các doanh nghiệp (T-supporter) trên địa bàn nghiên cứu cũng được mời tham gia trao đổi và phỏng vấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Khi nghiên cứu T-learning trong mô hình VACB ở các huyện Phong Điền, Cái Răng và Bình Thủy chúng tôi đã kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu thực tế như khảo sát bằng phiếu, phỏng vấn sâu kết hợp quan sát và thu thập các câu chuyện (narrative) về HTCD. Dữ liệu thu thập bao gồm dữ liệu định tính lẫn định lượng của bốn nhóm đối tượng sau đây:

40 hộ nông dân đã chuyển đổi sang mô hình VACB ở ba huyện, trong đó tập trung đông là ở huyện Phong Điền;

Ba giảng viên ở Trường ĐHCT – những người đã đề xuất, đánh giá mô hình và theo dõi, triển khai mô hình trong cộng đồng;

Ba đại diện chính quyền địa phương – những người triển khai, theo dõi và đánh giá chất lượng, hiệu quả của mô hình;

Hai doanh nghiệp – cung cấp thức ăn gia súc và cây giống để thấy được mức độ phát triển của các mối liên hệ xã hội trong cộng đồng tham gia HTCD.

Phương pháp chọn mẫu nông hộ để điều tra-khảo sát cũng là vấn đề được chúng tôi quan tâm. Trong 40 nông hộ được chọn để tham gia điều tra-khảo sát thì 90% là những nông hộ được chính quyền và nhà khoa học vận động và lựa chọn để tham gia vào một dự án phát triển VACB được Nhật Bản tài trợ và 10% là những hộ tự phát tiếp cận và áp dụng mô hình VACB. Xét theo mức độ thành công của các nông hộ trong việc áp dụng mô hình VACB thì trong tổng số 40 hộ tham gia điều tra-khảo sát thì có 5 hộ (12,5%) có mô hình VACB diễn hình thành công, còn lại 35 hộ (87,5 %) có mức độ chuyển đổi, trình độ nhận thức, điều kiện kinh tế khác nhau. Về độ tuổi, các nông dân tham gia khảo sát có độ tuổi từ 32-90 tuổi, trong đó đa số nằm trong độ tuổi từ 45-60. 100% người tham gia điều tra-khảo bằng phiếu hỏi là dân tộc Kinh, gắn bó cả đời với nghề nông; trình độ văn hóa của họ chủ yếu là tiểu học và trung học cơ sở (phần lớn nông dân có trình độ học vấn lớp 7). Những vấn đề mà chúng tôi chú ý khi thu thập thông tin và dữ liệu thứ cấp là: sự xuất hiện và mở rộng các quá trình HTCT trong mô hình VACB, vai trò và tác động tích cực (hiệu quả) của HTCD đối với quá trình xây dựng và phát triển mạng lưới VACB ở Cần Thơ và mong muốn duy trì và phát triển HTCD của người nông dân ở Cần Thơ.

Để xử lý các dữ liệu thu thập, ngoài sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, sơ đồ hóa bằng infographic, chúng tôi sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20 để có được số liệu phản ánh một cách định lượng thực trạng và chất lượng HTCD trong các mô hình VACB ở Cần Thơ.

2.3. Kết quả nghiên cứu thực tế

2.3.1. Sự xuất hiện và mở rộng quá trình HTCD gắn liền với quá trình hình thành và phát triển mô hình VACB

Quá trình chuyển đổi từ các mô hình sinh kế cũ (vườn chuyên canh cây ăn trái, vườn cây-ao cá; chăn nuôi gia súc, trồng hoa-nấm rơm...) sang mô hình sinh kế bền vững VACB bắt đầu xuất hiện khi người nông dân Cần Thơ phải đối mặt với “tình thế mất phương hướng” từ cuối những năm 1980 do BĐKH và ô nhiễm môi trường đã tác động trực tiếp tiêu cực đến sinh kế của người dân (Tuấn, Thủy & Ngoan, 2014). Khi đó, các nông hộ đã lâm vào hoàn cảnh sản xuất bị lụn bại do dịch bệnh và tác động xấu của môi trường và thị trường (các vườn cây trái bị dịch bệnh vàng lá gân xanh trên cây có mùi và tìm được thuốc chữa, thủy sản trong các ao nuôi bị nhiễm dịch chết tràn lan, chăn nuôi phát triển ịch và có nguy cơ bị thua lỗ do giá cả bấp bênh và và rác thải chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường (Chiếm, 2012). Trong hoàn cảnh đó, để giúp bà con nông dân vượt qua cảnh “tiền thoái lương nan” các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Cần Thơ đã kiến nghị chính quyền địa phương triển khai các dự án có sự tài trợ quốc tế để giúp bà con chuyển đổi thành công sang mô hình VACB, một mô hình nông nghiệp sạch, bền vững thích ứng với điều kiện BĐKH ở Cần Thơ và ĐBSCL.



Hình 1. Mô hình nông nghiệp bền vững VACB

Nguồn: Hồ Thị Thu Hồ và cs, 2018

Thông qua nhiều hình thức vận động, tuyên truyền, tập huấn, tham quan thực tế; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm... người dân đã biết đến mô hình VACB. Trong số 40 người được hỏi thì 85% cho biết họ đã tiếp cận, tìm tòi và quyết định chuyển đổi sang mô hình VACB là nhờ chính quyền, 10% cho biết thông qua người thân và chỉ 5% cho biết nhờ các phương tiện thông tin đại chúng.

Mô hình VACB đã trực tiếp thúc đẩy kinh tế phát triển, tăng thu nhập cho 97,5% nông hộ (Bảng 1). Việc tăng thu nhập có được thông qua giảm chi phí mua nhiên liệu đun nấu (100% nông hộ), giảm 50% chi phí sử dụng phân hóa học (thay bằng phân chuồng sau khi cho qua túi ủ), tăng quy mô sản xuất ở khoảng 30% nông hộ (mở rộng quy mô chăn nuôi, thả cá, vườn cây...).

Bảng 1. Tác động kinh tế của HTCD mô hình VACB đối với nông hộ được khảo sát

Mức tăng thu nhập (/năm) sau khi thực hiện mô hình VACB (đơn vị: triệu đồng)	Tỉ lệ %	Diễn giải
0	2,5%	Trước đây có thu lợi nhuận nhưng thời gian gần đây bị thua lỗ do giá lợn sụt giảm sâu
0 – 1	67,5%	Chưa thúc đẩy mở rộng sản xuất, chỉ cắt giảm chi phí đun nấu, công lao động thu gom củi
1 - 50	20%	Có thúc đẩy mở rộng sản xuất trồng trọt (V), chăn nuôi (C) hoặc thả cá (A)
Trên 50	10%	Có thúc đẩy mở rộng sản xuất trồng trọt (V), chăn nuôi (C) hoặc thả cá (A), kết hợp với thương mại

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 11/2018, n=40

Chuyển đổi sang mô hình VACB đã tạo ra việc làm mới cho 65% nông hộ. Qua học tập đã đào tạo, tập huấn đã hình thành đội ngũ hơn 30 cán bộ nắm vững kỹ thuật lắp đặt túi ủ và đã tiến hành lắp đặt, bảo trì hệ thống túi ủ tại các mô hình điểm để người dân đến tham quan, học hỏi. Hơn nữa, việc sử dụng biogas thay than củi cũng giải phóng một phần sức lao động để chuyển sang các công việc khác, trong đó có cả lực lượng lao động lớn tuổi.

Về môi trường, 95% nông hộ nhận thấy việc chuyển đổi sang mô hình VACB đã giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Sự kết hợp yếu tố “B” trong mô hình “ngoài việc giải quyết yêu cầu kinh tế đã kết hợp bảo vệ môi trường tốt hơn” (giảng viên N.H. Chiếm chia sẻ về ý tưởng của những người thực hiện mô hình). “VACB đã trực tiếp giải quyết vấn đề ô nhiễm chất thải và mùi hôi trong chăn nuôi, giúp giảm lượng khí CO₂ từ nhiên liệu hữu cơ. Việc đưa chất thải vào túi ủ còn góp phần giảm thiểu dịch bệnh vì phân chuồng đã được loại bỏ hầu hết các nguồn bệnh sau khi đi qua túi ủ, như bệnh heo tai xanh”, ông L.H. Thanh cho biết.

Kỹ thuật và công nghệ xây dựng, duy trì mô hình VACB là mới và không hề đơn giản với những người dân có trình độ học vấn hết THCS ở Cần Thơ. Vì vậy, ngay từ ban đầu những người nông dân ở Cần Thơ đã phải tham gia vào các lớp tập huấn – đào tạo của các chuyên gia, tham quan tìm hiểu kinh nghiệm tại các mô hình mẫu và trao đổi học tập kinh nghiệm của những người tiên phong áp dụng mô hình VACB trong cộng đồng để tiếp thu và nắm vững các kiến thức, kỹ năng xây dựng, vận hành và phát triển các mô hình VACB. Điều này cũng có nghĩa quá trình HTCD đã song hành cùng với quá trình người dân ở Cần Thơ chuyển đổi sang mô hình VACB.

2.3.2. Những đóng góp tích cực của HTCD đối với quá trình chuyển đổi sang mô hình sinh kế bền vững VACB ở Cần Thơ

2.3.2.1. Phát triển các phẩm chất và năng lực của người học hướng đến mục tiêu học tập đa dạng và suốt đời

Những quan sát và điều tra-khảo sát thực tế của chúng tôi cho thấy HTCD đã giúp cho cộng đồng người dân ở Cần Thơ nâng cao nhận thức về mô hình sinh kế bền vững thích ứng, giảm thiểu tác động của BĐKH và bảo vệ môi trường. HTCD đã giúp cho 90% nông hộ xây dựng mô hình VACB ở Cần Thơ nâng cao hiểu biết của mình. Qua các buổi tập huấn, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm theo nhóm người dân đã nhận ra những tác động tiêu cực của việc phát triển nông nghiệp không bền vững và không thân thiện với môi trường. Những người nông dân tham gia điều tra khảo sát đã phản ánh và cho rằng thực tế việc đốt than củi, chuyên canh trồng cây ăn quả sử dụng nhiều phân bón hóa học cùng với việc thải chất thải sinh hoạt và chăn nuôi ra sông ngòi... đã gây ô nhiễm môi trường ở địa phương khá nặng nề. Đa số người dân (trên 80% nông hộ được hỏi) đã xác nhận những ưu việt của mô hình VACB là “đa canh”, “khép kín”, “có sự tương trợ lẫn nhau”, “thích ứng với BĐKH” và “không gây ô nhiễm môi trường”. Đặc biệt, có 5% hộ được hỏi đã biết được giá trị giảm phát thải khí nhà kính CO₂ của mô hình VACB và khả năng thương mại hóa nguồn phát thải nhà kính CO₂ của toàn bộ mạng lưới VACB ở Cần Thơ và ĐBSCL. Bên cạnh đó, các nhà khoa học, chuyên gia dự án, đại diện chính quyền và các tổ chức đoàn thể như hội phụ nữ, đoàn thanh niên... cũng thể hiện lòng tin của mình vào những giá trị và lợi ích bền vững mà mô hình VACB đem lại. Điều này có nghĩa là phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường đang được cả cộng đồng tiếp nhận thông qua quá trình học tập và lan tỏa mô hình VACB.

Những điều tra khảo sát của chúng tôi cũng ghi nhận rằng HTCD đã giúp cộng đồng người dân địa phương được bồi dưỡng và nâng cao các giá trị và niềm tin của mình vào việc phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH. Mô hình VACB vốn là mô hình sinh kế mới đối với người dân địa phương ở Cần Thơ. Vì vậy, người nông dân ở đây phải tham gia các hoạt động học tập chuyển đổi để tiếp cận và xây dựng mô hình VACB thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình. Qua quá trình học tập và tham gia trực tiếp vào sản xuất theo mô hình VACB, 97,5% nông dân khẳng định tin tưởng, trong đó có 62,5% thể hiện rất tin tưởng mô hình VACB vì mô hình này “mang lại hiệu quả cao hơn”, “không gây ô nhiễm môi trường”, “bền vững hơn và thích ứng BĐKH”. Mặc dù, gặp nhiều khó khăn nhưng các nông hộ vẫn tìm cách duy trì, cải tiến để mô hình phù hợp hơn với điều kiện môi trường và hoàn cảnh sống của họ. Các giá trị về đạo đức nghề nghiệp (chăn nuôi ít gây ô nhiễm, trồng trọt sử dụng phân hữu cơ) được nông dân học tập và đưa vào đời sống. Cần Thơ hiện có hơn 600 hộ đã tham gia xây dựng mô hình VACB, trong đó có rất nhiều hộ tự phát tham gia vì họ nhận ra đây là mô hình phù hợp để phát triển kinh tế chứ không phải vì kinh phí hỗ trợ của dự án. Phát biểu cảm tưởng về mô hình VACB, vợ chồng

anh N.V. Nuôi ở xã Mỹ Khánh cho rằng: “Minh thấy mô hình sạch sẽ, không gây ảnh hưởng môi trường, những người xung quanh, lại có khí đốt, đỡ mất thời gian thì mình làm thôi. Nếu không có dự án hỗ trợ vợ chồng tôi vẫn đầu tư”.

Các điều tra-khảo sát thực tế của chúng tôi còn cho thấy, nhờ tham gia tích cực và tự giác vào các qua trình HTCD khả năng tự học, tư duy phê phán, ra quyết định vượt khó và tính sáng tạo của nhiều nông dân đặc biệt là các nông dân tiên tiến đã được tăng cường và nâng cao. Trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu, trao đổi, thực hành và vận dụng mô hình VACB nông dân đã bộc lộ tư duy phê phán vì họ phải phân tích, so sánh và minh chứng những ưu điểm, hạn chế của mô hình VACB, phát hiện ra những điều nên làm và nên tránh trong quá trình thực hiện. 97,5% người nông dân được hỏi đã cho rằng họ rút được kinh nghiệm quý báu khi quan sát, phân tích những sai lầm nông hộ láng giềng, nông hộ là bà con họ hàng và của cả bản thân họ. Họ cũng khẳng định rằng họ đã vận dụng được kiến thức và kinh nghiệm của các nông hộ khác để xây dựng được mô hình VACB phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình. Như vậy, HTCD cũng giúp đại đa số nông dân (85% số nông dân được hỏi) mạnh dạn tìm tòi, phát minh và thử nghiệm các biện pháp cải tiến của bản thân và nhiều người trong số đó (60% nông dân) đã thực hiện thường xuyên điều này (Bảng 2).

Bảng 2. Mức độ tham gia học tập có phê phán của người nông dân

Biểu hiện tham gia	Mức độ				
	Chưa bao giờ	Rất ít	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Tự suy nghĩ, tìm tòi các biện pháp để giải quyết những thách thức	5,0	2,5	7,5	7,5	77,5
Quan sát, trao đổi trực tiếp các mô hình thành công	15,0	2,5	22,5	12,5	47,5
Tự tìm kiếm kiến thức qua thông tin đại chúng	22,5	5,0	17,5	20,0	35,0
Chủ động tham gia các tập huấn, bồi dưỡng và liên hệ thường xuyên với các nhà khoa học	22,5	12,5	22,5	17,5	25,0
Thử nghiệm biện pháp cải tiến mà bản thân nghĩ ra để giải quyết khó khăn	5,0	2,5	12,5	20,0	60,0
Vận dụng phù hợp với hoàn cảnh gia đình	5,0	7,5	7,5	10,0	70,0
Rút được bài học kinh nghiệm từ những sai lầm	7,5	0	7,5	15,0	70,0

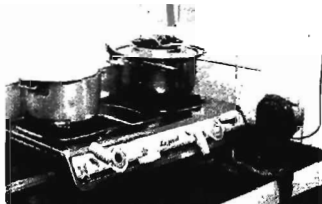
Nguồn: Kết quả khảo sát nông hộ tháng 11/2018, n=40

Qua điều tra khảo sát, chúng tôi phát hiện ra rằng *quá trình HTCD cũng thúc đẩy người nông dân ở Cần Thơ chủ động và sáng tạo trong hành động để tiếp cận, áp dụng và vận hành thành công mô hình VACB*. Kết quả điều tra cho thấy, có tới 95% nông dân chủ động thử nghiệm biện pháp khắc phục từ những ý tưởng của mình. Ông L.H. Thanh ở xã Mỹ Khánh đã áp dụng thành công và sáng tạo mô hình VACB. Ông đã sử dụng túi ủ sinh khối từ thực vật thay thế túi ủ sinh khối từ phân chuồng (Hình 2a). Ông cũng đã lắp ráp thành công bếp hồng ngoại biogas (Hình 2b) và thực hiện thành công ý tưởng sử dụng khí

biogas chạy máy phát điện. Hộ ông L.V. Tâm ở xã Giai Xuân đã sử dụng phân hữu cơ khí trồng thanh long cho sản phẩm đạt chất lượng xuất khẩu và đã gắn kết chặt chẽ với thương lái để tăng hiệu quả của mô hình VACB. Khi mô hình VACB rơi vào khủng hoảng (2016) vì giá cả trên thị trường xuống quá thấp nên không thể duy trì đàn lợn, nhiều hộ nông dân tạm dừng mô hình VACB, quay trở lại mô hình truyền thống thì một số hộ (điển hình là hộ ông L.H.Thanh ở Mỹ Khánh và hộ ông N.V. Tạo ở xã Nhơn Nghĩa) đã có sáng kiến sử dụng các nguồn thức ăn khác thay thức ăn công nghiệp để duy trì đàn lợn, chuyển sang nuôi gà và sử dụng phân gà để tạo sinh khối thay phân chuồng lợn hoặc chuyển sang nuôi ốc trong môi trường bèo Nhật Bản để lấy sinh khối từ thực vật và tăng thu nhập cho nông hộ. Như vậy, quá trình xây dựng và phát triển mô hình sinh kế bền vững VACB cũng đã giúp cho người nông dân có nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi để tăng cường khả năng tự học, tư duy phê phán, tăng cường khả năng sáng tạo, hướng đến phát triển các phẩm chất và năng lực của người công dân trong thời đại mới.



Hình 2a. Tủ biogas sử dụng thực vật bèo Nhật Bản ở hộ ông L.H Thanh



Hình 2b. Bếp hồng ngoại sử dụng khí biogas do nông dân L.H. Thanh tự thiết kế

Ảnh: Nguyễn Thị Ngọc Phúc, 2018

2.3.2.2. Thúc đẩy việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp

Một trong những đóng góp tích cực, đáng ghi nhận của học tập chuyên đổi là thúc đẩy và làm cho các mối quan hệ cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn. Minh chứng cho điều này được thể hiện như sau:

- HTCD đã góp phần đẩy mạnh và mở rộng các trao đổi, chia sẻ kiến thức kinh nghiệm nhằm xây dựng các mối liên hệ cộng đồng tốt đẹp. Quá trình xây dựng và phát triển mô hình sinh kế bền vững VACB đã tạo ra một không gian an toàn khuyến khích người dân tích cực tham gia các quá trình HTCD trong quá trình xây dựng mô hình VACB. Thông qua hình thức học tập trải nghiệm thực tế ngay tại các mô hình VACB mẫu, người dân đã mạnh dạn trao đổi và chia sẻ những khó khăn, kinh nghiệm; trước hết trong phạm vi nhà là gia đình, nhóm liên gia, sau đến các mở rộng ra trong cộng đồng dân cư ở địa phương theo hiệu ứng lan tỏa. 100% hộ tham gia điều tra đã cho biết họ luôn trao đổi, chia

sẽ kinh nghiệm xây dựng mô hình với những người thân trong gia đình, 92,5% nông dân được hỏi cho biết họ đã thực hiện trao đổi, chia sẻ bằng nhiều cách khác nhau trong cộng đồng địa phương, trong đó có 50% thực hiện điều này một cách thường xuyên. Có tới 85% nông hộ được hỏi đã chia sẻ với cộng đồng khác ngoài xã của họ. Hầu hết các hộ nông dân thường xuyên giữ mối liên hệ với các nhà khoa học, trong đó có 15% nông dân tiêu biểu luôn trao đổi và chia sẻ với các nhà khoa học của Trường Đại học Cần Thơ và các chuyên gia tập huấn – đào tạo của dự án. Theo kết quả khảo sát, việc chuyển đổi sang VACB giúp 85% hộ dân xây dựng mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp hơn, “Từ khi xây túi ủ thì những người xung quanh không còn phàn nàn về mùi hôi nữa, mình cũng an tâm mở rộng sản xuất” vợ anh N.V. Bình ở Nhơn Nghĩa phấn khởi cho biết.

- *HTCD đã góp phần tăng cường mối liên kết bốn nhà, xây dựng mạng lưới mô hình VACB ở địa phương.* Về mặt tổ chức xã hội, mô hình VACB đã góp phần tăng cường mối liên kết bốn nhà (nhà nông – nhà nước – nhà khoa học – nhà doanh nghiệp) và tác động mạnh đến 82,5% số hộ được khảo sát. Chính quyền các địa phương ở Cần Thơ đã làm tốt công tác phân tích, giới thiệu nông dân với mô hình; khuyến khích người dân tham gia dự án và kết nối người dân với các doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng đã bắt đầu có những chính sách quan tâm hơn đến nông dân (hỗ trợ cây giống, hỗ trợ mua phân bón, thức ăn gia súc thanh toán cuối vụ/lúa). Ngược lại, người dân đã phản ánh những yêu cầu, khó khăn của mình để các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu, địa phương có những chính sách phù hợp. Trong suốt quá trình duy trì và phát triển mô hình, các nhà khoa học đã phối hợp với chính quyền duy trì đánh giá theo định kì thông qua các buổi hội thảo 2 lần/năm (thường xuyên) và họp đột xuất khi có tình huống phát sinh để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho bà con nông dân. Chính vì thế, mối liên hệ bốn nhà ngày càng trở nên chặt chẽ và có hiệu quả hơn. Hiện nay, người dân có thể dễ dàng học tập trao đổi ở các mô hình điểm thành công ở tại địa phương. Mạng lưới này giúp cho mô hình luôn có tính thuyết phục cao.

Với những tác động tiêu biểu trên có thể thấy HTCD đã và đang tạo một động lực mạnh mẽ, thúc đẩy chuyển hóa nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH, góp phần chuyển hóa xã hội theo hướng bền vững.

2.3.3. Đề xuất ý kiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả HTCD trong mô hình VACB

Quá trình học tập để chuyển đổi sinh kế của nông hộ ở Cần Thơ đã nảy sinh và đồng hành với quá trình gây dựng mô hình VACB trên cơ sở có sự tham gia tự nguyện và nhiệt tình của nông hộ, sự hỗ trợ nhiệt tình của các nhà khoa học, sự quan tâm của chính quyền và sự ủng hộ của các doanh nghiệp. HTCD đã đạt được những thành tựu nhất định, khẳng định giá trị bền vững về kinh tế – xã hội và môi trường, phù hợp với các mô hình nông nghiệp sạch, bền vững mà địa phương đang hướng đến. Tuy nhiên, số lượng nông hộ tham gia chuyển đổi còn rất khiêm tốn so với tổng số nông hộ và diện tích đất nông nghiệp của địa phương. Thêm vào đó, chất lượng “chuyển hóa” trong nhận thức và hành động của

nông hộ cũng còn hạn chế. Số lượng nông hộ vươn lên thoát nghèo, chủ động trong sản xuất, duy trì mô hình VACB trong điều kiện khó khăn chỉ khoảng 40%. Số nông hộ còn lại, khi gặp “tình thế mất phương hướng” như giá lợn sụt giảm thì chưa tìm được hướng đi phù hợp. Có thể thấy, chất lượng “chuyển hóa” qua quá trình HTCD xét riêng đối với nông hộ còn chưa cao, đặc biệt là khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức khai phóng của người nông dân.

Để nâng cao chất lượng HTCD trong mô hình VACB, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số biện pháp cơ bản như sau:

Đối với chính quyền địa phương: Cần thiết phải thực hiện các biện pháp sau: (1) Chủ động đề xuất yêu cầu, khó khăn của địa phương với các nhà khoa học để được tư vấn giải pháp phù hợp nhất; (2) Triển khai dự án đến với nông hộ đạt các tiêu chí mà mô hình yêu cầu (yêu cầu phải chọn đúng đối tượng), (3) Có chính sách hỗ trợ kịp thời hoặc liên hệ, vận động doanh nghiệp hỗ trợ người dân (vốn, cây giống, thức ăn, phân bón...) và (4) Cử cán bộ chuyên trách theo dõi, hỗ trợ, đôn đốc và đánh giá kết quả định kì. Giảng viên B.T. Nga – Khoa Môi trường ĐHCT cho rằng “các dự án khoa học muốn triển khai đến người dân đều cần có chính quyền hợp tác, liên hệ, kết nối; nếu không có chính quyền thì rất khó để tiếp cận với người dân”.

Đối với các nhà khoa học: Cần quan tâm thực hiện tốt các biện pháp sau: (1) Phương pháp, nội dung tập huấn, triển khai mô hình phải phù hợp với đối tượng nông dân và (2) Sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn khi nông dân gặp khó khăn. Về phương pháp tập huấn, người dạy cần phải sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, đưa ra những lợi ích thiết thực để thu hút sự quan tâm của nông hộ. Bên cạnh tập huấn, các nhà khoa học có thể thông qua chính quyền chia sẻ những tài liệu súc tích, thông tin những vấn đề quan trọng mà nông hộ cần nắm bắt. Về nội dung, theo ý kiến phản hồi của các nông hộ, *các nhà khoa học và chính quyền* cần quan tâm đến những vấn đề mà nông dân gặp phải đối với từng yếu tố của mô hình VACB như: kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả; kỹ thuật chăn nuôi lợn, cá năng suất cao, giảm dịch bệnh, đáp ứng các tiêu chuẩn nông sản sạch...

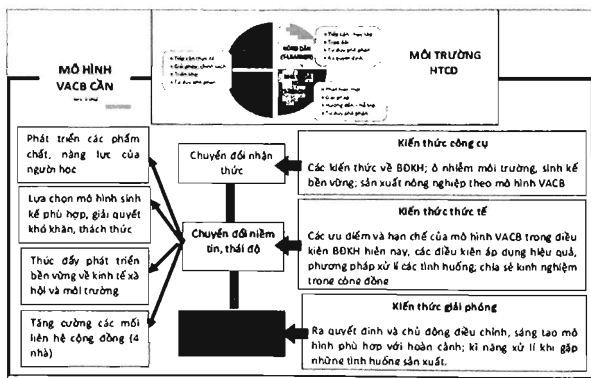
Đối với nông dân: Là chủ thể của học tập chuyển đổi, người nông dân cần phải: (1) Chủ động tìm hiểu, tiếp cận các nguồn tri thức, các mô hình hiệu quả; (2) Thực hành tư duy phê phán để đánh giá tiềm năng của mô hình và vận dụng phù hợp vào tình hình thực tế và (3) Vận dụng các kiến thức khoa học và chia sẻ kinh nghiệm để tìm giải pháp khắc phục khó khăn. Trong các biện pháp mà chính quyền và nhà khoa học, các nông dân nông cốt đưa ra thì thái độ *chủ động học tập, vươn lên* của người học có ý nghĩa quan trọng nhất, quyết định rất lớn đến sự thành công của quá trình HTCD.

Đối với doanh nghiệp: Với tư cách là một bên có liên quan, các nhà doanh nghiệp cần: (1) Nắm bắt nhu cầu của khách hàng và có chính sách hỗ trợ phù hợp, đảm bảo đối

bên cùng có lợi; (2) Phối hợp với chính quyền, các nhà khoa học và doanh nghiệp khác để tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm.

5. Kết luận

HTCĐ là quá trình học tập tích cực, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, kiến tạo thế giới quan và quan điểm hành động đổi mới tiến bộ theo hướng phát triển bền vững cho người dân ở Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung. Vì vậy, rất cần thiết phổ biến và nhân rộng HTCĐ trong cộng đồng. Những đóng góp tích cực của HTCĐ trong mô hình sinh kế bền vững VACB ở Cần Thơ là một ví dụ tiêu biểu cho thấy vai trò và hiệu quả của HTCĐ đối với sự chuyển đổi nông nghiệp bền vững ở Cần Thơ và ĐBSCL. Quá trình chuyển đổi về nhận thức, niềm tin, thái độ và hành động thông qua học tập đã góp phần hình thành lối sống mới bền vững hơn, tốt đẹp hơn ở nông thôn ĐBSCL (Hình 4).



Hình 4. Tóm tắt đặc điểm và đóng góp của HTCĐ đối với quá trình chuyển đổi sang mô hình

Tóm lại, HTCĐ là yêu cầu của sự phát triển xã hội và là nhu cầu của người dân để kịp thời thích ứng với diễn biến ngày càng phức tạp của BDKH ở vùng ĐBSCL. Để HTCĐ được phát triển và nhân rộng đạt được chất lượng và hiệu quả tác động cao hơn đồng thời trở thành thói quen tự học suốt đời của người dân thì cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa bốn nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và nhà doanh nghiệp) đảm bảo đầu ra cho sản phẩm của mô hình VACB và tạo điều kiện cho các nông hộ phát huy tư duy phê phán và hành động sáng tạo.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chiếm, N. H. & Matsubara, E. (2012). *Sách chuyên khảo Nghiên cứu phát triển nông thôn dựa trên cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism – CDM)*. NXB Đại học Cần Thơ.
- Dự án “Xây dựng năng lực về BĐKH cho các tổ chức dân sự” (2011). *Các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu – Kinh nghiệm của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam*. Hà Nội. Khai thác từ http://vngocc.vn/upload/Good_practices_in_response_to_climate_change_VIE.Pdf
- Hồ, H. T. T., Nhung, L. V., Hiệu, L. V., Thâm, T. C., Quang, N. M., Phúc, N. T. N., và Tuấn, T. Đ. (2018). Báo cáo tổng kết đề tài *Khảo sát thực trạng và triển vọng của HTCD qua các mô hình sinh kế bền vững ở thành phố Cần Thơ: Nghiên cứu trường hợp tại huyện Phong Điền*, Trường Đại học Cần Thơ.
- Ngọc, N. B. và cộng sự (2015). Các giải pháp hỗ trợ sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH. *Viện Khoa học lao động và xã hội*. Khai thác từ <http://ilssa.org.vn/vi/news/cac-giai-phap-ho-tro-sinh-ke-ben-vung-thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-162#u>
- Phượng, Đ. (2015). *Mang xuân về cho nông dân*. Retrieved 16/2/2015, from <https://www.giaoduc.edu.vn/mang-xuan-ve-cho-nong-dan.htm>
- Tuấn, L. A., Cần, T. Q., Dũ, L. V., Ngọc, P. T. B., Thường, V. T., Toan, T. T. T., và Lợi, T. V. (2013). *Tổng hợp một số hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long*. Research Gate.
- Tuấn, L. A., Thủy, H. T., và Ngoan, V. V. (2014). Ảnh hưởng của BĐKH tới sinh kế người dân đồng bằng sông Cửu Long. *Diễn đàn Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa vì sự Phát triển Bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long lần thứ 6*. Research Gate.
- Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (2011). *Nghiên cứu Tác động biến đổi khí hậu và Đề xuất các giải pháp thích ứng ở đồng bằng sông Cửu Long – Phần A*. Khai thác từ <https://www.adb.org/sites/default/files/project-document/74143/43295-012-vie-tacr-01-vi.pdf>
- Cranton, P. (2016). *Understanding and Promoting Transformative learning - A guide to theory to practice* (Third edition ed.). Sterling, Virginia: Stylus Publishing, LLC.
- Henderson (2004). *An Exploration of Transformative Learning in the Online Environment*. Retrieved from <https://slidex.tips/download/an-exploration-of-transformative-learning-in-the-online-environment>
- Kroth, M., & Cranton, P. (2014). *Stories of Transformative Learning* (Vol. 14). Netherlands: Sense Publisher.
- Taylor, E., Cranton, P., & Associates (2012). *Handbook of Transformative learning Theory Research and Practice*. Jossey-Bass, www.Josseybass.com

POSITIVE CONTRIBUTIONS OF TRANSFORMATIVE LEARNING
TO THE FORMATION AND DEVELOPMENT
OF THE SUSTAINABLE LIVELIHOOD VACB MODEL IN CAN THO

Nguyen Thi Ngoc Phuc¹, Tran Duc Tuan², Nguyen Kim Hong^{3*}

¹ Can Tho University

² Hanoi National University of Education

³ Ho Chi Minh City University of Education

* Corresponding author: Nguyen Kim Hong – Email: nkhong@hcmue.edu.vn

Received: 12/01/2019; Revised: 11/3/2019; Accepted: 24/4/2019

ABSTRACT

Transformative learning (T-learning) is a modern theory of adult learning and currently popular in Western countries. Together with Education for Sustainable Development (ESD), T-learning is considered one of the most effective tools and strategic solutions for sustainable development, climate change adaptation, especially in the areas severely affected by climate change like the Mekong Delta of Vietnam. So far the role and contribution of T-learning to the development of sustainable livelihood models and adaptation to climate change in the Mekong Delta has not yet popularized. Therefore, thanks to the support of ISSC (International Council of Social Sciences) of UNESCO, a research project on T-learning for sustainable agricultural transformation to adapt to climate change with the VACB (Vuon-Ao-Chuong-Biogas) model has been implemented since mid-2016 up to now. This paper presents briefly the results gained from field investigations and surveys on T-learning into the VACB model in Can Tho and focuses on the role, nature, characteristics and development potential of T-learning into the VACB model in Can Tho.

Keywords: transformative learning, sustainable development, climate change, sustainable livelihood model, VACB model, Mekong Delta.